

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN  
VÀ CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 36

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch Vụ Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**CÁC THÔNG TIN CHUNG**

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 02 tháng 10 năm 2001, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302416364 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 06 năm 2014.

Ngày 20 tháng 11 năm 2007, Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 225.000.000.000 VND.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Hàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Hương Dương	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Trương Thị Thanh Tâm	Thành viên
Ông Trịnh Ngọc Minh	Thành viên
Ông Lê Thiện Hưng	Thành viên
Ông Vũ Duy Tân Cảnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22/04/2016)
Ông Trịnh Phương Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22/04/2016)
Ông Nguyễn Tấn Phi Khanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22/04/2016)
Bà Trần Thị Lụa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22/04/2016)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đồng Thanh Bình	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 22/04/2016)
Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 22/04/2016)
Bà Nguyễn Thị Tiến	Thành viên
Ông Đặng Văn Tuấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Hàn	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Hương Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

### **CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Xuân Hàn**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

**RSM Vietnam**Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3  
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026

F +848 3827 5027

www.rsm.com.vn

Số: 17.144/BCSXHN-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 11 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Nhóm công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2013-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

*Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.3 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>742.845.163.522</b>	<b>649.200.915.289</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>62.754.676.979</b>	<b>73.911.689.969</b>
1. Tiền	111		62.754.676.979	23.911.689.969
2. Các khoản tương đương tiền	112			50.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>179.074.963.858</b>	<b>159.721.263.533</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	113.882.387.248	74.211.699.234
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(5.4)	80.094.807.915	103.035.924.414
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		3.977.768.695	1.353.639.885
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.4)	(18.880.000.000)	(18.880.000.000)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	(5.5)	<b>497.476.878.842</b>	<b>411.583.776.485</b>
1. Hàng tồn kho	141		499.476.878.842	413.583.776.485
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.538.643.843</b>	<b>3.984.185.302</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		482.784.379	653.727.011
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.041.415.926	1.284.222.134
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.13)	2.014.443.538	2.046.236.157
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>267.017.931.061</b>	<b>258.239.624.408</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>16.000.000</b>	<b>16.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		16.000.000	16.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>57.607.143.363</b>	<b>27.290.909.891</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	52.454.052.605	22.095.020.833
Nguyên giá	222		72.652.907.992	39.924.166.004
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.198.855.387)	(17.829.145.171)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.8)	5.153.090.758	5.195.889.058
Nguyên giá	228		5.367.082.258	5.367.082.258
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(213.991.500)	(171.193.200)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	(5.9)	<b>180.075.402.076</b>	<b>154.130.889.179</b>
Nguyên giá	231		219.211.004.261	188.698.523.595
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(39.135.602.185)	(34.567.634.416)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.144.322.559</b>	<b>54.224.092.220</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(5.6)	7.144.322.559	54.224.092.220
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	(5.2)	<b>10.355.811.446</b>	<b>11.012.943.707</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7.026.291.441	7.683.423.702
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.840.000.000	6.840.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.510.479.995)	(3.510.479.995)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.819.251.617</b>	<b>11.564.789.411</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.10)	11.819.251.617	11.564.789.411
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.009.863.094.583</b>	<b>907.440.539.697</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>591.880.553.772</b>	<b>490.811.648.944</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>583.741.871.113</b>	<b>482.728.366.285</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.12)	5.047.515.779	12.316.115.042
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		225.455.078	1.321.440.718
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.13)	5.110.624.523	11.442.049.406
4. Phải trả người lao động	314		87.061.538	145.988.569
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.314.940.435	1.713.294.160
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		208.609.860	195.707.796
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.11)	536.365.506.057	415.791.328.165
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	(5.15)	9.445.612.400	13.736.716.806
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.16)	23.936.545.443	26.065.725.623
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.138.682.659</b>	<b>8.083.282.659</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	(5.14)	6.946.400.000	6.891.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	(6.9)	1.192.282.659	1.192.282.659
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>417.982.540.811</b>	<b>416.628.890.753</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.17.1)	<b>417.982.540.811</b>	<b>416.628.890.753</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		225.000.000.000	225.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.742.000.000	49.742.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	(5.17.6)	100.808.668.281	100.624.824.222
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	(5.17.6)	5.793.043.100	4.131.043.100
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.638.829.430	37.131.023.431
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		14.115.988.568	6.691.354.203
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.522.840.862	30.439.669.228
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.009.863.094.583</b>	<b>907.440.539.697</b>



**Nguyễn Xuân Hàn**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

**Trần Thị Lụa**  
**Kế toán trưởng**

**Bùi Thị Anh Thư**  
**Người lập**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON**Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8,  
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.263.411.634.722	877.811.843.917
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		14.623.916	26.646.117
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	1.263.397.010.806	877.785.197.800
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	1.182.328.032.301	779.590.316.984
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.068.978.505	98.194.880.816
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	3.030.834.103	9.705.499.073
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	13.308.264.133	12.911.396.202
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		12.602.361.227	6.249.366.244
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		(1.095.013.957)	(4.613.150.668)
9. Chi phí bán hàng	25	(6.5)	25.914.064.162	22.428.402.135
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.6)	15.118.068.126	27.146.595.925
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.664.402.230	40.800.834.959
12. Thu nhập khác	31		146.016.582	3.232.513.186
13. Chi phí khác	32		14.522.592	335.702.743
14. Lợi nhuận khác	40		131.493.990	2.896.810.443
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.795.896.220	43.697.645.402
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	6.273.055.358	10.939.853.697
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			(12.626.980)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.522.840.862	32.770.418.685
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		22.522.840.862	32.770.418.685
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.17.4)	868	1.176
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.17.4)	868	1.176



**Nguyễn Xuân Hàn**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

**Trần Thị Lụa**  
Kế toán trưởng

**Bùi Thị Anh Thư**  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		28.795.896.220	43.697.645.402
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		6.980.476.285	6.405.221.614
Các khoản dự phòng	03		(4.291.104.406)	(5.694.734.635)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		2.074.374.358	3.389.750.192
Chi phí lãi vay	06	(6.4)	12.602.361.227	6.249.366.244
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>		<b>46.162.003.684</b>	<b>54.047.248.817</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.465.977.658)	82.952.182.224
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(85.893.102.357)	(11.997.982.925)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.213.036.432)	(167.981.026)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(83.519.574)	(44.159.036)
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.602.361.227)	(6.104.964.733)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.13)	(12.583.869.577)	(16.295.495.620)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		32.095.000	400.900.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(8.493.290.180)	(8.288.827.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(97.141.058.321)</b>	<b>94.500.920.701</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(18.335.714.660)	(2.586.003.255)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			6.090.909
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.000.000.000)	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.000.000	5.752.196.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(6.3)	235.582.099	1.240.729.067
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(21.090.132.561)</b>	<b>3.413.012.721</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(7.1)	837.180.959.577	468.742.938.339
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.2)	(716.606.781.685)	(501.857.704.068)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.17.5)	(13.500.000.000)	(17.999.981.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>107.074.177.892</b>	<b>(51.114.747.329)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(11.157.012.990)</b>	<b>46.799.186.093</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>73.911.689.969</b>	<b>101.405.049.773</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	(5.1)	<b>62.754.676.979</b>	<b>148.204.235.866</b>



Nguyễn Xuân Hàn  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Trần Thị Lụa  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Anh Thư  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài hợp nhất chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 02 tháng 10 năm 2001, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302416364 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 06 năm 2014.

Ngày 20 tháng 11 năm 2007, Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 225 tỷ VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào một công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Nhóm công ty).

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2016 gồm:

- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 206 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;
- Chi nhánh tại Bình Dương: Lô B11, ô1,2,3, Đường D1, Khu Công Nghiệp Đất Cuốc, Xã Đất Cuốc, Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam;
- Câu lạc bộ Ngôi Sao: 17 Lô C11 Phan Xích Long, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Trung Tâm Dịch Vụ Điện Tử: 7 Hoàng Minh Giám, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Chi nhánh Gia Lai: 1028 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận – Cửa hàng điện tử: 131 Trần Huy Liệu, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Chi nhánh Hiệp Phước - Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận: Lô A.10a Đường số 1, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 144 (31 tháng 12 năm 2015 là 144).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Sản xuất, bán buôn, bán lẻ sản phẩm điện tử dân dụng, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất;
- Sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, kho bãi, cửa hàng, công trình dân dụng;
- Kinh doanh ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

**1.5. Số lượng các công ty con được hợp nhất**

Công ty con trực tiếp:

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1.	Công ty TNHH MTV KS Hoa Mai Vàng	Số 75 Hoàng Văn Thụ, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh	100%	100%

**1.6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

STT	Tên công ty liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	Số 91 Nguyễn Du, Phường 7, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%
2.	Công ty TNHH Quang Điện Xanh	Lầu 7, Toàn nhà Arirang, 131 Trần Huy Liệu, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%
3.	Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	Số 93 Tô Hiệu, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	46,15%	46,15%
4.	Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	Lầu 5, Tòa nhà Arirang, 131 Trần Huy Liệu, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%
5.	Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	Lô A, Số 10A, Đường số 01, KCN Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%
6.	Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	Số 131 Trần Huy Liệu, Phường 08, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%

Công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Phú Long vào ngày 27 tháng 06 năm 2016.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

**2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Nhóm công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**3.3. Hình thức kế toán áp dụng**

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG****4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Bình Tây;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

**4.2 Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

**4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

**4.5 Nợ phải thu*****Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**4.6 Hàng tồn kho*****Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

***Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ***

Hàng hóa, thành phẩm được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*****Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 34 năm đến 39 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**4.8 Tài sản cố định hữu hình*****Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25 năm	04 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 20 năm	03 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm	06 – 10 năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.9 Tài sản cố định vô hình**

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại:

- Số 69 Hoàng Văn Thụ, P15, Q. Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh trong 49 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất;
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại 206 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

**4.10 Thuê tài sản**

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

***Thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Nhóm công ty.

Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**4.11 Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

**4.12 Bất động sản đầu tư**

***Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*****Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 50 năm	04 – 25 năm
▪ Quyền sử dụng đất	46 năm	46 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm	05 - 15 năm

**4.13 Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay trong kỳ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**4.14 Đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác******Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Nhóm công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Nhóm công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác******Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác***

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Nhóm công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Nhóm công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Đối với các khoản đầu tư khác*

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

**4.15 Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**4.16 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả*****Chi phí phải trả***

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán nhưng thực tế chưa có hóa đơn được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

***Dự phòng phải trả***

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**4.17 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Nhóm công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.18 Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.19 Doanh thu và thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

**4.20 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại.

**4.21 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**4.22 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.23 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**4.24 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**4.25 Thuế*****Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu nông sản: 0%;
- Bán hàng hóa nông sản trong nước: không tính thuế, 5% và 10%;
- Dịch vụ cho thuê: 10%;
- Các hàng hóa và dịch vụ khác: 5% và 10%.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

**4.26 Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ**

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	1.508.964.108	832.341.633
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.245.712.871	23.079.348.336
Các khoản tương đương tiền	-	50.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>62.754.676.979</b>	<b>73.911.689.969</b>

Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng của công ty mẹ được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.11.

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc khoản đầu tư	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc khoản đầu tư	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	1.500.000.000	2.131.932.929	1.500.000.000	2.317.423.147
Công ty TNHH Quang Điện Xanh	2.025.000.000	1.056.011.169	2.025.000.000	1.056.011.169
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	3.000.000.000	3.215.958.259	3.000.000.000	3.830.753.159
Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	1.575.000.000	433.729.276	1.575.000.000	479.236.227
Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	6.000.000.000	188.659.808	3.000.000.000	-
Công ty TNHH XNK Nông sản Phú Long	-	-	10.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>14.100.000.000</b>	<b>7.026.291.441</b>	<b>21.100.000.000</b>	<b>7.683.423.702</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08,  
Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty CP Alo360.com	6.000.000.000	(3.510.479.995)	6.000.000.000	(3.510.479.995)
Công ty CP Dịch vụ và xúc tiến Thương mại	840.000.000	-	840.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.840.000.000</b>	<b>(3.510.479.995)</b>	<b>6.840.000.000</b>	<b>(3.510.479.995)</b>

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

*(Xem tiếp trang sau)*



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Điện Tử Amtec	46.370.367.221	44.388.397.570
Công ty Cổ phần Khâm Vĩnh Hưng	10.831.002.800	3.176.874.800
Công ty TNHH XNK Nông sản Phú Long	18.322.041.886	-
Các khách hàng khác	38.358.975.341	26.646.426.864
<b>Cộng</b>	<b>113.882.387.248</b>	<b>74.211.699.234</b>
Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 9:		
Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	46.518.141.221	44.388.397.570
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	629.771.017	2.092.062.520
<b>Cộng</b>	<b>47.147.912.238</b>	<b>46.480.460.090</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Nhóm công ty và được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.11.

**5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Phú Long	28.027.726.923	35.582.867.427
Công ty TNHH Thuận Kiều	29.050.690.446	29.050.690.446
Công ty CP Khâm Vĩnh Hưng	9.300.939.000	12.543.830.000
Công ty CP Nhật Huy	-	1.139.674.250
Cty TNHH TM DV XNK Cà Phê Phúc An Khang	51.294.064	44.416.522
Các nhà cung cấp khác	13.664.157.482	24.674.445.769
<b>Cộng</b>	<b>80.094.807.915</b>	<b>103.035.924.414</b>
Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 9:		
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	-	35.582.867.427
Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	136.158.000	2.693.550.400
<b>Cộng</b>	<b>136.158.000</b>	<b>38.276.417.827</b>

Khoản ứng trước tiền mua nông sản cho Công ty TNHH Thuận Kiều đã quá hạn thanh toán và Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp. Hiện nay, khoản nợ này đã nhận được phán quyết của trung tâm trọng tài thương mại TP. Hồ Chí Minh về việc Thuận Kiều phải thanh toán lại khoản nợ nêu trên cho Nhóm công ty. Đến ngày 30/06/2016, Nhóm công ty đã lập dự phòng cho khoản ứng trước nêu trên với số tiền là 18.880 triệu đồng (tương ứng với tỷ lệ là 65% tổng giá trị công nợ).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	5.385.944.688	-
Nguyên liệu, vật liệu	127.081.971.584	-	109.417.457.099	-
Công cụ, dụng cụ	1.198.305.070	-	1.315.570.612	-
Thành phẩm	35.361.857.772	-	5.438.483.693	-
Hàng hóa	268.382.874.416	(2.000.000.000)	218.158.298.893	(2.000.000.000)
Hàng hóa bất động sản	67.451.870.000	-	73.868.021.500	-
<b>Cộng</b>	<b><u>499.476.878.842</u></b>	<b><u>(2.000.000.000)</u></b>	<b><u>413.583.776.485</u></b>	<b><u>(2.000.000.000)</u></b>

Giá trị hàng hóa bất động sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng với số tiền là 67.451.870.000 VND – Xem thêm mục 5.11.

**5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công trình Hiệp Phước 2	1.144.170.873	33.102.916.991
Công trình Khu Công nghiệp Đất Cuốc	3.834.540.762	19.193.612.342
Các công trình khác	2.165.610.924	1.927.562.887
<b>Cộng</b>	<b><u>7.144.322.559</u></b>	<b><u>54.224.092.220</u></b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON**Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08,  
Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	23.165.632.367	7.060.448.354	9.628.981.633	69.103.650	39.924.166.004
Mua trong kỳ	-	3.538.955.636	545.000.000	-	4.083.955.636
Đầu tư XDCB hoàn thành	15.647.364.406	12.997.421.946	-	-	28.644.786.352
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>38.812.996.773</b>	<b>23.596.825.936</b>	<b>10.173.981.633</b>	<b>69.103.650</b>	<b>72.652.907.992</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	6.711.769.380	5.821.661.533	5.283.237.222	12.477.036	17.829.145.171
Khấu hao trong kỳ	947.679.854	986.731.303	429.540.427	5.758.632	2.369.710.216
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>7.659.449.234</b>	<b>6.808.392.836</b>	<b>5.712.777.649</b>	<b>18.235.668</b>	<b>20.198.855.387</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2016	16.453.862.987	1.238.786.821	4.345.744.411	56.626.614	22.095.020.833
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>31.153.547.539</b>	<b>16.788.433.100</b>	<b>4.461.203.984</b>	<b>50.867.982</b>	<b>52.454.052.605</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.090.368.427 VND.

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất	Tại ngày 01/01/2016 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 30/06/2016 VND
Nguyên giá	5.367.082.258	-	-	5.367.082.258
Giá trị hao mòn lũy kế	(171.193.200)	(42.798.300)	-	(213.991.500)
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>5.195.889.058</b>	<b>(42.798.300)</b>	<b>-</b>	<b>5.153.090.758</b>

(Xem tiếp trang sau)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

<b>5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư</b>				
<b>Khoản mục</b>	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà cửa vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2016	26.145.204.255	136.659.319.340	25.894.000.000	188.698.523.595
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	27.684.206.050	5.828.349.226	33.512.555.276
Giảm khác	-	(1.501.140.352)	(1.498.934.258)	(3.000.074.610)
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>26.145.204.255</b>	<b>162.842.385.038</b>	<b>30.223.414.968</b>	<b>219.211.004.261</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2016	548.552.786	17.562.731.265	16.456.350.365	34.567.634.416
Khấu hao trong kỳ	136.415.264	2.708.932.034	1.722.620.471	4.567.967.769
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>684.968.050</b>	<b>20.271.663.299</b>	<b>18.178.970.836</b>	<b>39.135.602.185</b>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2016	25.596.651.469	119.096.588.075	9.437.649.635	154.130.889.179
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>25.460.236.205</b>	<b>142.570.721.739</b>	<b>12.044.444.132</b>	<b>180.075.402.076</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng là 76.092.363.955 VND – Xem thêm mục 5.11;

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 1.725.574.965 VND;

Tại ngày 30/06/2016, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không có chênh lệch trọng yếu so với giá trị còn lại trên sổ kế toán.

**5.10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Tại ngày 30/06/2016 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2016 VND</b>
Tiền thuê đất dài hạn KCN Hiệp Phước 1 và Hiệp Phước 2	5.812.437.589	5.901.207.407
Tiền thuê đất dài hạn KCN Đất Cuộc	4.907.107.368	4.973.107.368
Các khoản khác	1.099.706.660	690.474.636
<b>Cộng</b>	<b>11.819.251.617</b>	<b>11.564.789.411</b>

Trong đó, giá trị tiền thuê đất dài hạn KCN Hiệp Phước 1 và Hiệp Phước 2 dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 5.11.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08,  
Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.11. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
			Tăng	Giảm
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Bình Tây	365.152.530.120	365.152.530.120	544.967.176.240	457.853.374.230
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Nhuận	171.212.975.937	171.212.975.937	292.213.783.337	258.753.407.455
<b>Cộng</b>	<b>536.365.506.057</b>	<b>536.365.506.057</b>	<b>837.180.959.577</b>	<b>716.606.781.685</b>
				<b>415.791.328.165</b>

Các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất 5,0%/năm - 6,7%/năm đối với VND và 2,5% - 3,4%/năm đối với USD. Các khoản vay này được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty mẹ tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác – Xem thêm mục 5.1;
- Các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế - Xem thêm mục 5.3;
- Giá trị nhà và quyền sử dụng đất tại 108 Lê Lợi, Phường 04, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh - Xem thêm mục 5.5;
- Các tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có là quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án Hiệp Phước 1, Hiệp Phước 2 – Xem thêm mục 5.9 và mục 5.10.

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.12. Phải trả người bán**

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Doanh Nghiệp Tư Nhân Hà Gia Mẫn Chi Nhánh Công ty TNHH Phân Phối FPT (TP. Hà Nội)	1.427.949.959	1.427.949.959	7.210.183.973	7.210.183.973
Phải trả cho các đối tượng khác	2.604.562.820	2.604.562.820	5.105.931.069	5.105.931.069
<b>Cộng</b>	<b>5.047.515.779</b>	<b>5.047.515.779</b>	<b>12.316.115.042</b>	<b>12.316.115.042</b>
Trong đó, phải trả các bên liên quan – Xem thêm mục 9: Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	336.928.000	336.928.000	-	-

**5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại ngày 30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	28.866.250	36.787.635.250	36.091.517.369	696.117.881
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.924.833.394	6.273.055.358	12.583.869.577	3.614.019.175
Thuế thu nhập cá nhân	1.158.294.383	2.023.359.494	2.711.221.789	470.432.088
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	330.055.379	3.274.728.544	3.274.728.544	330.055.379
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	34.124	34.124	-
<b>Cộng</b>	<b>11.442.049.406</b>	<b>48.358.812.770</b>	<b>54.661.371.403</b>	<b>5.110.624.523</b>
Phải thu:				
Thuế giá trị gia tăng	302.727.078	12.627.863.649	12.653.346.181	328.209.610
Thuế xuất, nhập khẩu	1.344.459.316	940.698.415	940.698.415	1.344.459.316
Các loại thuế khác	399.049.763	68.775.151	11.500.000	341.774.612
<b>Cộng</b>	<b>2.046.236.157</b>	<b>13.637.337.215</b>	<b>13.604.044.596</b>	<b>2.014.443.538</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.14. Phải trả dài hạn khác**

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

**5.15. Dự phòng phải trả**

	<b>Tại ngày 30/06/2016 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2016 VND</b>
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	8.456.610.000	8.736.716.806
Dự phòng quỹ tiền lương	989.002.400	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.445.612.400</b>	<b>13.736.716.806</b>

**5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Tại ngày đầu kỳ	26.065.725.623	25.203.322.623
Trích lập trong kỳ	3.000.000.000	6.300.000.000
Tặng khác	26.110.000	34.730.000
Sử dụng trong kỳ	(5.155.290.180)	(5.472.327.000)
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>23.936.545.443</b>	<b>26.065.725.623</b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08,  
Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.17. Vốn chủ sở hữu****5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	
Số dư tại ngày 01/01/2015	224.999.770.000	49.742.230.000	83.736.612.322	1.995.543.100	414.446.500.914
Tăng vốn 6 tháng đầu năm trước	230.000	(230.000)	-	-	-
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	32.770.418.685
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	16.888.211.900	3.000.000.000	(19.888.211.900)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(6.300.000.000)
Trích quỹ khác	-	-	-	-	(3.000.000.000)
Tặng/Giảm khác	-	-	-	-	(1.326.972.620)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(535.000.000)	(535.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(17.999.981.600)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2015</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>49.742.000.000</b>	<b>100.624.824.222</b>	<b>4.460.543.100</b>	<b>418.054.965.379</b>
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	26.540.168.959
Chia cổ tức	-	-	-	-	(27.000.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(329.500.000)	(329.500.000)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2016</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>49.742.000.000</b>	<b>100.624.824.222</b>	<b>4.131.043.100</b>	<b>416.628.890.753</b>
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	22.522.840.862
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	10.173.844.059	2.000.000.000	(12.173.844.059)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.000.000.000)
Trích quỹ khác	-	-	-	-	(3.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.500.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	(9.990.000.000)	(338.000.000)	(338.000.000)
Sử dụng quỹ theo nghị quyết HĐQT ngày 27/06/2016	-	-	-	-	9.990.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	(1.331.190.804)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2016</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>49.742.000.000</b>	<b>100.808.668.281</b>	<b>5.793.043.100</b>	<b>417.982.540.811</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.17.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu kỳ	225.000.000.000	224.999.770.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	230.000
Vốn góp cuối kỳ	225.000.000.000	225.000.000.000

**5.17.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.500.000	22.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	22.500.000	22.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	22.500.000	22.500.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**5.17.4. Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	22.522.840.862	32.770.418.685
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.000.000.000)	(6.300.000.000)
Lãi sau thuế của cổ đông của Nhóm công ty	19.522.840.862	26.470.418.685
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	22.500.000	22.499.977
<b>Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>868</b>	<b>1.176</b>

**5.17.5. Cổ tức đã trả**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	13.500.000.000	17.999.981.600

**5.17.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày đầu kỳ	100.624.824.222	4.131.043.100
Trích trong kỳ	10.173.844.059	2.000.000.000
Sử dụng trong kỳ	(9.990.000.000)	(338.000.000)
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>100.808.668.281</b>	<b>5.793.043.100</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	<u>Tại ngày 30/06/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	1.264.577,77	160.928,41

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢN KINH DOANH HỢP NHẤT**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu bán hàng	1.244.495.682.589	861.385.564.212
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.915.952.133	16.426.279.705
Hàng bán bị trả lại	(14.623.916)	(26.646.117)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.263.397.010.806</u></b>	<b><u>877.785.197.800</u></b>

Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 9:

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	342.921.626.213	15.130.358.836
Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	36.632.820.378	20.559.884.422
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	16.583.099.753	19.687.858.300
Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	257.007.618	912.599.768
Công ty TNHH Quang Điện Xanh	-	726.066.453

**Tổng cộng** **396.394.553.962** **57.016.767.779**

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.171.433.359.153	769.591.345.055
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.894.673.148	9.998.971.929
<b>Cộng</b>	<b><u>1.182.328.032.301</u></b>	<b><u>779.590.316.984</u></b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Lãi tiền gửi	235.582.099	693.572.405
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.727.477.475	2.750.293.062
Lãi chậm thanh toán	67.774.529	4.462.896.444
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	547.156.662
Lãi bán các khoản đầu tư	-	1.251.580.500
<b>Cộng</b>	<b><u>3.030.834.103</u></b>	<b><u>9.705.499.073</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**6.4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	12.602.361.227	6.249.366.244
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	81.140.085	82.725.806
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	624.762.821	6.521.908.787
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	57.395.365
<b>Cộng</b>	<b>13.308.264.133</b>	<b>12.911.396.202</b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	7.205.950.825	7.173.832.164
Chi phí vật liệu, bao bì	2.092.267.377	18.049.324
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	646.670.420	164.071.699
Chi phí khấu hao tài sản cố định	324.268.616	294.110.487
Chi phí bảo hành	1.562.595.206	2.362.629.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.075.642.384	3.996.932.125
Chi phí bằng tiền khác	10.006.669.334	8.418.776.975
<b>Cộng</b>	<b>25.914.064.162</b>	<b>22.428.402.135</b>

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.347.463.861	17.231.617.080
Chi phí đồ dùng văn phòng	251.116.428	116.015.568
Chi phí khấu hao TSCĐ	791.254.398	714.061.247
Thuế, phí và lệ phí	1.031.699.132	776.142.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.097.118.910	439.759.794
Chi phí bằng tiền khác	4.599.415.397	7.868.999.780
<b>Cộng</b>	<b>15.118.068.126</b>	<b>27.146.595.925</b>

**6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	692.590.634.570	301.816.805.951
Chi phí nhân công	16.848.607.704	24.313.561.112
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.862.625.389	6.013.102.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.816.626.512	6.865.330.683
Chi phí khác bằng tiền	18.297.650.741	22.095.449.926
<b>Cộng</b>	<b>744.416.144.916</b>	<b>361.104.249.798</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Là chi phí thuế TNDN tạm tính trên thu nhập chịu thuế 06 tháng đầu năm 2016 và được hợp nhất từ chi phí thuế TNDN của các công ty trong Nhóm công ty với thuế suất TNDN là 20% đối với tất cả các công ty trong Nhóm công ty.

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	837.180.959.577	468.742.938.339

**7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(716.606.781.685)	(501.857.704.068)

**8. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Nhóm công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh nông sản;
- Kinh doanh hàng điện tử;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động khác.

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08,  
Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

	<u>Kinh doanh nông sản</u>		<u>Kinh doanh hàng điện tử</u>		<u>Kinh doanh bất động sản</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng công</u>	
	Kỳ này Triệu VND	Kỳ trước Triệu VND	Kỳ này Triệu VND	Kỳ trước Triệu VND	Kỳ này Triệu VND	Kỳ trước Triệu VND	Kỳ này Triệu VND	Kỳ trước Triệu VND	Kỳ này Triệu VND	Kỳ trước Triệu VND	Kỳ này Triệu VND	Kỳ trước Triệu VND
<b>Doanh thu hợp nhất</b>												
Từ khách hàng bên ngoài	971.054	520.265	264.689	319.873	8.738	13.789	18.916	23.859	-	-	1.263.397	877.785
Giữa các bộ phận	204.094	94.058	28.660	31.831	-	-	645	711	(233.399)	(126.600)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.175.148</b>	<b>614.323</b>	<b>293.349</b>	<b>351.704</b>	<b>8.738</b>	<b>13.789</b>	<b>19.560</b>	<b>24.570</b>	<b>(233.399)</b>	<b>(126.600)</b>	<b>1.263.397</b>	<b>877.785</b>

**Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

Kết quả của bộ phận	6.339	(6.420)	57.970	76.966	983	6.916	16.421	21.445	(645)	(711)	81.069	98.195
Chi phí không phân bổ											41.032	49.575
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính											40.037	48.620
Thu nhập tài chính											3.031	9.705
Chi phí tài chính											(13.308)	(12.911)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết											(1.095)	(4.613)
Lợi nhuận trước thuế											28.786	43.698
Thuế thu nhập doanh nghiệp											6.273	10.927

**Lợi nhuận hợp nhất sau thuế**

											<b>22.523</b>	<b>32.770</b>
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---------------	---------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08,  
Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****Các thông tin khác**

	Tại ngày 30/06/2016 Triệu VND	Tại ngày 01/01/2016 Triệu VND
Tài sản không phân bổ	1.009.863	907.441
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.009.863</b>	<b>907.441</b>
Nợ phải trả không phân bổ	591.881	490.812
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>591.881</b>	<b>490.812</b>

	Kỳ này Triệu VND	Kỳ trước Triệu VND
Chi phí mua sắm tài sản	18.336	2.586
Chi phí khấu hao trong kỳ	6.980	6.405

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Nhóm công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

	TP. Hồ Chí Minh		Đà Nẵng		Bình Dương		Tổng cộng	
	Kỳ này Triệu VND	Kỳ trước Triệu VND	Kỳ này Triệu VND	Kỳ trước Triệu VND	Kỳ này Triệu VND	Kỳ trước Triệu VND	Kỳ này Triệu VND	Kỳ trước Triệu VND
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	856.453	813.054	33.564	34.902	372.114	-	1.263.397	877.785
Chi phí mua sắm tài sản		555	29.830	29.830	34.902	34.902	18.336	2.586

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản có định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Nhóm công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Khách Sạn Hoa Mai Vàng	Công ty con
2. Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH Quang Điện Xanh	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	Công ty liên kết
6. Công ty Cổ phần Điện Tử Amtec	Công ty liên kết
7. Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	Công ty liên kết đến ngày 27/06/2016
8. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm mục 5.3: Các công ty liên kết	47.147.912.238	46.480.460.090
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 5.4: Các công ty liên kết	136.158.000	38.276.417.827
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.12: Các công ty liên kết	(336.928.000)	-

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 6.1: Các công ty liên kết	396.394.553.962	57.016.767.779
Mua hàng: Các công ty liên kết	450.796.306.232	314.714.548.656

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo thị trường.

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được chi tiết như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao Hội đồng quản trị của Công ty	426.000.000	534.000.000
Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty	2.812.812.693	3.094.920.000
<b>Cộng</b>	<b>3.238.812.693</b>	<b>3.628.920.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

**11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 được Tổng Giám đốc Nhóm công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 11 tháng 08 năm 2016.



**Nguyễn Xuân Hàn**  
**Tổng Giám đốc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016*

**Trần Thị Lụa**  
**Kế toán trưởng**

**Bùi Thị Anh Thư**  
**Người lập**